

**BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **877** /TCHQ-GSQL

Hà Nội, ngày 29 tháng 01 năm 2016

V/v xuất khẩu đá vôi, vôi, đolômit

Kính gửi: Bộ Xây dựng.

Ngày 23/12/2015, Bộ Xây dựng có công văn số 3006/BXD-VLXD đề nghị phối hợp cung cấp số liệu xuất khẩu đối với mặt hàng đá vôi, vôi, đolômit trong năm 2015. Liên quan đến số liệu xuất nhập khẩu, Tổng cục Hải quan gửi Phụ lục kèm theo (số liệu chỉ là số liệu sơ bộ và tính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 15/12/2015). Bên cạnh đó, qua công tác kiểm tra tại các đơn vị hải quan địa phương về việc thực hiện thủ tục hải quan đối với các mặt hàng nêu trên, Tổng cục Hải quan trao đổi với quý Bộ một số nội dung cụ thể như sau:

1. Có hiện tượng một số doanh nghiệp thực hiện việc quay vòng hóa đơn thuế GTGT để hợp pháp hóa hồ sơ, nguồn gốc hàng hóa xuất khẩu và xuất khẩu vượt số lượng cho phép.

2. Doanh nghiệp xuất trình cho cơ quan hải quan các văn bản cho phép xuất khẩu của Bộ Xây dựng với số lượng cố định và trong một khoảng thời gian nhất định. Qua kiểm tra, tại nơi nhận của các văn bản cho phép này đều có ghi Cục Hải quan TP Hải Phòng, Cục Hải quan tỉnh Thanh Hoá và Tổng cục Hải quan, tuy nhiên, trên thực tế, qua kiểm tra hệ thống văn bản đến thì Cục Hải quan TP Hải Phòng, Cục Hải quan tỉnh Thanh Hoá và Tổng cục Hải quan không nhận được đầy đủ các văn bản này của Bộ Xây dựng gửi qua đường công văn chính thức (ví dụ như công văn số 3319/BXD-VLXD ngày 16/12/2014, số 491/BXD-VLXD ngày 16/3/2015 cho phép Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Đình Hà xuất khẩu vôi; công văn số 3006/BXD-VLXD ngày 19/11/2014 cho phép Công ty Cổ phần thương mại An Mỹ Đức xuất khẩu đolômit; ...). Bên cạnh đó, Tổng cục Hải quan nhận thấy các văn bản cho phép xuất khẩu của Bộ Xây dựng ban hành chưa hợp lý về trình tự thời gian, cụ thể: ngày 30/12/2014, Bộ Xây dựng có công văn số 3466/BXD-VLXD cho phép Công ty Cổ phần khoáng sản DLH được phép xuất khẩu 18.000 tấn vôi đến hết ngày 30/4/2015; tuy nhiên, ngày 23/4/2015, Bộ Xây dựng tiếp tục có công văn số 882/BXD-VLXD cho phép Công ty Cổ phần khoáng sản DLH được xuất khẩu tiếp 18.000 tấn vôi đến hết ngày 31/7/2015. Việc ban hành các văn bản cho phép xuất khẩu không quy định thời điểm nào là thời điểm doanh nghiệp được bắt đầu xuất khẩu đã gây khó khăn cho cơ quan hải quan trong công tác quản lý số lượng của các văn bản cho phép.

3. Phát hiện có khả năng doanh nghiệp sử dụng Giấy chứng nhận đầu tư giả để hợp pháp hóa nguồn vật liệu đầu vào để xuất khẩu, cụ thể là nội dung “khai thác chế biến Dolomit” trên Giấy phép số 46/GP-UBND ngày 07/8/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam cấp phép cho Công ty Cổ phần xây dựng và khoáng sản Thiên Sơn được ghi sau dấu “;”, không phù hợp với cách thức trình bày văn bản. Ngoài ra, nội dung “khai thác chế biến Dolomit” có màu mực đậm hơn các chữ xung quanh, có dấu hiệu của chỉnh sửa trên bản chính của Giấy phép (gửi kèm). Ngoài ra, không loại trừ trường hợp sử dụng giấy phép khai thác, Giấy chứng nhận đầu tư không phù hợp, hoặc doanh nghiệp mới chỉ đang ở giai đoạn xây dựng, chưa có sản phẩm hoặc năng lực chỉ là X (tấn)/năm nhưng xuất bán cho doanh nghiệp khác xuất khẩu với số lượng X+Y (tấn)... Qua kiểm tra các hoá đơn mua bán đá hộc, đá khai thác nhiều kích cỡ, Tổng cục Hải quan phát hiện nội dung bất hợp lý như việc mua bán các loại đá có kích thước 1*2 hoặc đá 2*4, tuy nhiên, theo tìm hiểu thì những loại đá này không thể nung được thành vôi thành phẩm để xuất khẩu. Cho nên, theo nhận định của Tổng cục Hải quan, rất có khả năng các đối tượng lợi dụng các hoá đơn này để hợp pháp hóa nguồn gốc xuất khẩu, qua mặt cơ quan chức năng trong quá trình thông quan.

4. Theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư số 04/2012/TT-BXD, Tổng cục Hải quan kiến nghị Bộ Xây dựng kiểm tra, xác minh những nội dung tại điểm 1, điểm 2, điểm 3 nêu trên. Để tăng cường công tác quản lý, giám sát đối với mặt hàng đá vôi, vôi, đolômit xuất khẩu, Tổng cục Hải quan kiến nghị Bộ Xây dựng:

- Theo quy định tại Nghị định số 187/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ, mặt hàng “vôi” không thuộc Danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu, Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo Giấy phép và thuộc diện quản lý chuyên ngành. Do vậy, trường hợp Bộ Xây dựng quản lý mặt hàng “vôi” giống như điều kiện đối với khoáng sản, Tổng cục Hải quan đề nghị Bộ Xây dựng có hướng dẫn cụ thể về hồ sơ xuất khẩu cũng như cách thức quản lý số lượng để tránh tình trạng lợi dụng, quay vòng các chứng từ để buôn lậu, gian lận thương mại.

- Ban hành văn bản quy phạm pháp luật như các Thông tư của Bộ Xây dựng để quản lý hoạt động xuất khẩu thay cho việc ban hành các văn bản chỉ đạo cá biệt thực hiện xuất khẩu khoáng sản.

5. Trong thời gian chờ hướng dẫn của Bộ Xây dựng về các kiến nghị tại điểm 4, để tăng cường công tác quản lý đối với mặt hàng vôi, đá vôi, đolômit xuất khẩu, Tổng cục Hải quan chỉ đạo các đơn vị hải quan khi làm thủ tục xuất khẩu, ngoài việc thực hiện các thủ tục theo quy định:

- Đối với trường hợp doanh nghiệp mua khoáng sản đã qua chế biến/vôi

để xuất khẩu (mua trực tiếp từ các đơn vị có đủ điều kiện theo quy định trong việc chế biến khoáng sản/vôi), cơ quan hải quan thực hiện việc theo dõi, trừ lùi số lượng xuất khẩu vào mặt sau bản chính hóa đơn thuế GTGT, lưu kèm hồ sơ 01 bản photo và trả bản chính hóa đơn thuế GTGT cho doanh nghiệp.

- Đối với trường hợp doanh nghiệp xuất khẩu khoáng sản đã qua chế biến/ vôi theo các văn bản cho phép của Bộ Xây dựng, cơ quan hải quan thực hiện việc lập phiếu theo dõi trừ lùi theo quy định tại khoản 2 Điều 28 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính.

Trên đây là ý kiến của Tổng cục Hải quan kính chuyển quý Bộ xem xét, xử lý theo thẩm quyền và sớm có văn bản trả lời để cơ quan hải quan thực hiện thống nhất.

Trân trọng cảm ơn./ 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các Cục Hải quan tỉnh, thành phố (để t/h);
- Lưu: VT, GSQL.Cường(3b).

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**



Vũ Ngọc Anh



Phụ lục I

SỐ LIỆU XUẤT KHẨU ĐÁ VỎI MÃ HS 2515 TỪ NGÀY 01/01/2015 ĐẾN NGÀY 15/12/2015

(Kèm theo công văn số 877/TCHQ-GSQT. ngày 29/01/2016)

Tên công ty	Tổng số tờ khai	Tên hải quan	Đơn vị tính	Lượng	Trị giá (USD)	Nước, vùng lãnh thổ xuất khẩu
Công Ty TNHH Đầu Tư Xây Dựng Công Nghệ Cao Sông Đà - Sjc Việt Nam	2	CC HQ KCN tỉnh Hà Nam	TAN	336	10,752	Bangladesh
Công Ty TNHH Khai Khoáng Thanh Sơn	7	CC HQ Yên Bái	M3	465	278,976	India

km



Phụ lục II
SỔ LIỆU XUẤT KHẨU ĐÓLÔMIT MÃ HS 2518 TỪ NGÀY 01/01/2015 ĐẾN NGÀY 15/12/2015
(Kèm theo công văn số 877/TCHQ-GSQL ngày 29/01/2016)

Tên công ty	Tổng số tờ khai	Tên hải quan	Đơn vị tính	Lượng	Trị giá (USD)	Nước, vùng lãnh thổ xuất khẩu
Công ty cổ phần Đức Thái	1	CC HQ KCX và KCN Hải Phòng	TAN	480	41,798	Indonesia
Công ty cổ phần công nghệ mỏ và luyện kim Việt Nam	2	CC HQ Cảng Đình Vũ Hải Phòng	TAN	96	7,200	India
Công Ty Cổ Phần Dlh Việt Nam	6	CC HQ KCN tỉnh Hà Nam	TAN	3,959	367,013	Bangladesh
Công Ty Cổ Phần Dlh Việt Nam	5	CC HQ KCN tỉnh Hà Nam	TAN	3,004	268,902	Indonesia
Công Ty Cổ Phần Dlh Việt Nam	13	CC HQ KCN tỉnh Hà Nam	TAN	4,857	326,605	Taiwan
Công ty cổ phần khoáng sản D.L.H	3	CC HQ KCN tỉnh Hà Nam	TAN	2,462	220,327	Indonesia
Công ty cổ phần khoáng sản D.L.H	2	CC HQ KCN tỉnh Hà Nam	TAN	309	32,818	New Caledonia
Công ty cổ phần khoáng sản D.L.H	23	CC HQ KCN tỉnh Hà Nam	TAN	9,441	651,409	Taiwan
Công Ty Cổ Phần Khoáng Sản Phi Kim Việt Nam	1	CC HQ CK cảng HP KV I	TAN	193	13,012	Indonesia
Công Ty Cổ Phần Khoáng Sản Phi Kim Việt Nam	1	CC HQ Hà Tây - Đội TT HQ Hà Đông	TAN	198	13,329	Indonesia
Công Ty Cổ Phần Khoáng Sản Phi Kim Việt Nam	1	CC HQ KCN tỉnh Hà Nam	TAN	193	13,012	Indonesia
Công Ty Cổ Phần Quốc Tế An Nam Việt	28	CC HQ KCN tỉnh Hà Nam	TAN	13,402	1,479,106	India
Công Ty Cổ Phần Quốc Tế An Nam Việt	5	CC HQ KCN tỉnh Hà Nam	TAN	1,489	156,332	Indonesia
Công Ty Cổ Phần Quốc Tế An Nam Việt	25	CC HQ KCN tỉnh Hà Nam	TAN	9,065	1,039,121	Japan
Công ty cổ phần thương mại - vận tải Hồng Hà	3	CC HQ QL hàng ĐT-GC Hải Phòng	TAN	957	84,266	Bangladesh
Công ty cổ phần thương mại - vận tải Hồng Hà	6	CC HQ QL hàng ĐT-GC Hải Phòng	TAN	1,051	86,158	India

Công Ty Cổ Phần Thương Mại An Mỹ Đức	67	CC HQ KCX và KCN Hải Phòng	TAN	57,578	3,224,356	Taiwan
Công ty cổ phần thương mại và vận tải Hồng Hà	11	CC HQ QL hàng DT-GC Hải Phòng	TAN	4,626	370,687	India
Công Ty TNHH Đầu Tư Và Thương Mại Trường Sa	4	CC HQ KCN tỉnh Hà Nam	TAN	1,862	204,790	Bangladesh
Công Ty TNHH Đầu Tư Và Thương Mại Trường Sa	6	CC HQ KCN tỉnh Hà Nam	TAN	3,351	345,586	India
Công Ty TNHH Đầu Tư Và Thương Mại Trường Sa	1	CC HQ KCN tỉnh Hà Nam	TAN	300	20,700	Taiwan
Công Ty TNHH Bưu Trôi Hòa Bình	1	CC HQ Gia Thủy Hà Nội	TAN	480	50,400	Korea (Republic)
Công Ty TNHH Dịch Vụ Xuất Nhập Khẩu Trường Giang	3	CC HQ KCN tỉnh Hà Nam	TAN	946	72,412	India
Công Ty TNHH Dịch Vụ Xuất Nhập Khẩu Trường Giang	21	CC HQ KCN tỉnh Hà Nam	TAN	5,880	400,392	Taiwan
Công Ty TNHH Hoàng Diệp	1	CC HQ CK cảng HP KV II	TAN	345	23,805	Taiwan
Công Ty TNHH Hoàng Diệp	2	CC HQ KCN tỉnh Hà Nam	TAN	777	75,377	India
Công Ty TNHH Hoàng Diệp	12	CC HQ QL hàng DT-GC Hải Phòng	TAN	4,371	416,150	India
Công Ty TNHH Hoàng Diệp	22	CC HQ QL hàng DT-GC Hải Phòng	TAN	7,804	541,997	Taiwan
Công Ty TNHH Khoáng Sản K.L.C	10	CC HQ KCN tỉnh Hà Nam	TAN	2,906	315,357	Korea (Republic)
Công Ty TNHH Một Thành Viên Khoáng Sản Vôi Việt	7	CC HQ Nam Định	TAN	2,699	215,907	India
Công Ty TNHH Một Thành Viên Khoáng Sản Vôi Việt	4	CC HQ Nam Định	TAN	1,972	163,676	Indonesia
Công Ty TNHH Một Thành Viên Khoáng Sản Vôi Việt	9	CC HQ Ninh Bình	TAN	4,640	444,846	India
Công Ty TNHH Một Thành Viên Khoáng Sản Vôi Việt	12	CC HQ Ninh Bình	TAN	11,128	937,744	Indonesia
Công ty TNHH Sơn Jotun Việt Nam	1	CC HQ KCN Sông thần Bình Dương	KG	10,000	2,400	Indonesia
Công Ty TNHH Thế Giới Khoáng Sản	7	CC HQ Gia Thủy Hà Nội	TAN	3,120	328,560	Korea (Republic)
Công Ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Hồng An	1	CC HQ KCN tỉnh Hà Nam	TAN	280	19,334	Taiwan
Công Ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Quốc Tế Gimexco	2	CC HQ KCN tỉnh Hà Nam	TAN	1,097	112,973	India

Công Ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Trường Thạch	4	CC HQ KCN tỉnh Hà Nam	TAN	1,671	115,320	Taiwan
Công ty trách nhiệm hữu hạn Hoàng Diệp	9	CC HQ QL hàng DT-GC Hải Phòng	TAN	4,131	405,053	India
Công ty trách nhiệm hữu hạn Hoàng Diệp	24	CC HQ QL hàng DT-GC Hải Phòng	TAN	8,430	587,432	Taiwan
Công ty trách nhiệm hữu hạn Lê Phạm	7	CC HQ KCX và KCN Hải Phòng	TAN	2,014	170,288	India
Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại và dịch vụ Hoàng Quý	1	CC HQ KCN tỉnh Hà Nam	TAN	420	28,980	Taiwan

he



Phụ lục III
SƠ LIỆU XUẤT KHẨU VỚI MÃ HS 2522 TỪ NGÀY 01/01/2015 ĐẾN NGÀY 15/12/2015
(Kèm theo công văn số /TCHQ-GSQL ngày /01/2016)

Tên công ty	Tổng số tờ khai	Tên hải quan	Đơn vị tính	Lượng	Trị giá (USD)	Nước, vùng lãnh thổ xuất khẩu
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Thương Mại Mega A	2	CC HQ CK cảng HP KV III	TAN	308	16,632	Taiwan
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Thương Mại Mega A	1	CC HQ KCN tỉnh Hà Nam	TAN	101	6,846	India
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Thương Mại Mega A	1	CC HQ KCN tỉnh Hà Nam	TAN	108	5,832	Taiwan
Công ty cổ phần Đức Thái	1	CC HQ KCX và KCN Hải Phòng	TAN	25	1,625	Bangladesh
Công ty cổ phần Đức Thái	34	CC HQ KCX và KCN Hải Phòng	TAN	9,765	714,141	India
Công ty cổ phần Đức Thái	8	CC HQ KCX và KCN Hải Phòng	TAN	5,514	381,437	Philippines
Công ty cổ phần Đức Thái	4	CC HQ KCX và KCN Hải Phòng	TAN	990	64,350	South Africa
Công ty cổ phần Đức Thái	39	CC HQ KCX và KCN Hải Phòng	TAN	6,375	359,567	Taiwan
Công ty cổ phần công nghệ mô và luyện kim Việt Nam	1	CC HQ CK cảng HP KV I	TAN	78	4,602	India
Công Ty Cổ Phần Dlh Việt Nam	8	CC HQ KCX và KCN Hải Phòng	TAN	2,753	247,058	Bangladesh
Công Ty Cổ Phần Dlh Việt Nam	73	CC HQ KCX và KCN Hải Phòng	TAN	21,312	2,136,006	India
Công Ty Cổ Phần Dlh Việt Nam	33	CC HQ KCX và KCN Hải Phòng	TAN	9,420	914,398	Indonesia
Công Ty Cổ Phần Dlh Việt Nam	20	CC HQ KCX và KCN Hải Phòng	TAN	10,563	1,087,938	Korea (Republic)
Công Ty Cổ Phần Dlh Việt Nam	2	CC HQ KCX và KCN Hải Phòng	TAN	150	24,000	Mauritius
Công Ty Cổ Phần Dlh Việt Nam	5	CC HQ KCX và KCN Hải Phòng	TAN	2,028	222,114	Philippines
Công Ty Cổ Phần Dlh Việt Nam	38	CC HQ KCX và KCN Hải Phòng	TAN	24,374	1,890,231	Singapore
Công Ty Cổ Phần Dlh Việt Nam	9	CC HQ KCX và KCN Hải Phòng	TAN	2,383	146,450	Taiwan
Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Thương Mại Và Xuất Nhập Khẩu Đại An	1	CC HQ QL hàng DT-GC Hải Phòng	TAN	27	3,375	Taiwan
Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Và Xuất Nhập Khẩu Vinh Phát	33	CC HQ Cảng Đình Vũ Hải Phòng	TAN	12,520	770,000	Taiwan
Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Và Xuất Nhập Khẩu Vinh Phát	51	CC HQ CK cảng HP KV II	TAN	18,260	1,118,620	Taiwan

lu

Công ty cổ phần khoáng sản D.L.H	4	CC HQ KCX và KCN Hải Phòng	TAN	280	28,000	Bangladesh
Công ty cổ phần khoáng sản D.L.H	57	CC HQ KCX và KCN Hải Phòng	TAN	16,745	1,724,276	India
Công ty cổ phần khoáng sản D.L.H	54	CC HQ KCX và KCN Hải Phòng	TAN	15,316	1,483,471	Indonesia
Công ty cổ phần khoáng sản D.L.H	30	CC HQ KCX và KCN Hải Phòng	TAN	12,631	1,297,523	Korea (Republic)
Công ty cổ phần khoáng sản D.L.H	1	CC HQ KCX và KCN Hải Phòng	TAN	96	10,339	Malaysia
Công ty cổ phần khoáng sản D.L.H	2	CC HQ KCX và KCN Hải Phòng	TAN	98	15,680	Mauritius
Công ty cổ phần khoáng sản D.L.H	8	CC HQ KCX và KCN Hải Phòng	TAN	4,239	440,884	Philippines
Công ty cổ phần khoáng sản D.L.H	94	CC HQ KCX và KCN Hải Phòng	TAN	45,055	3,547,340	Singapore
Công ty cổ phần khoáng sản D.L.H	4	CC HQ KCX và KCN Hải Phòng	TAN	214	15,224	Taiwan
Công Ty Cổ Phần Khoáng Sản Phi Kim Việt Nam	2	CC HQ CK cảng HP KV I	TAN	401	28,319	Indonesia
Công Ty Cổ Phần Khoáng Sản Phi Kim Việt Nam	3	CC HQ CK cảng HP KV I	TAN	1,019	70,498	Philippines
Công Ty Cổ Phần Khoáng Sản Phi Kim Việt Nam	2	CC HQ CK cảng HP KV III	TAN	491	42,107	Philippines
Công Ty Cổ Phần Khoáng Sản Phi Kim Việt Nam	4	CC HQ Hà Tây - Đội TT HQ Hà Đông	TAN	610	42,196	Indonesia
Công Ty Cổ Phần Khoáng Sản Phi Kim Việt Nam	1	CC HQ Hà Tây - Đội TT HQ Hà Đông	TAN	516	35,561	Philippines
Công ty cổ phần Quốc tế Đức Hoà	135	CC HQ KCX và KCN Hải Phòng	TAN	45,408	3,538,911	Taiwan
Công Ty Cổ Phần Quốc Tế An Nam Việt	3	CC HQ KCX và KCN Hải Phòng	TAN	1,196	125,578	India
Công ty cổ phần thương mại - vận tải Hồng Hà	1	CC HQ Cảng Đình Vũ Hải Phòng	TAN	125	10,542	India
Công ty cổ phần thương mại - vận tải Hồng Hà	2	CC HQ QL hàng ĐT-GC Hải Phòng	TAN	125	9,375	Australia
Công ty cổ phần thương mại - vận tải Hồng Hà	31	CC HQ QL hàng ĐT-GC Hải Phòng	TAN	8,809	761,720	Bangladesh
Công ty cổ phần thương mại - vận tải Hồng Hà	36	CC HQ QL hàng ĐT-GC Hải Phòng	TAN	11,447	910,766	India
Công ty cổ phần thương mại - vận tải Hồng Hà	13	CC HQ QL hàng ĐT-GC Hải Phòng	TAN	2,082	152,420	Korea (Republic)
Công ty cổ phần thương mại - vận tải Hồng Hà	13	CC HQ QL hàng ĐT-GC Hải Phòng	TAN	7,519	614,142	Malaysia
Công ty cổ phần thương mại - vận tải Hồng Hà	2	CC HQ QL hàng ĐT-GC Hải Phòng	TAN	400	36,021	Mauritius

Công Ty Cổ Phần Thương Mại An Mỹ Đức	425	CC HQ KCX và KCN Hải Phòng	TAN	119,521	6,694,673	Taiwan
Công Ty Cổ Phần Thương Mại Và Dịch Vụ Tổng Hợp An Trí Hiếu	9	CC HQ KCX và KCN Hải Phòng	KG	2,972,419	237,793	Chile
Công ty cổ phần thương mại và vận tải Hồng Hà	1	CC HQ KCX và KCN Hải Phòng	TAN	500	44,595	India
Công ty cổ phần thương mại và vận tải Hồng Hà	16	CC HQ QL hàng DT-GC Hải Phòng	TAN	4,201	369,323	Bangladesh
Công ty cổ phần thương mại và vận tải Hồng Hà	7	CC HQ QL hàng DT-GC Hải Phòng	TAN	1,750	140,255	Cambodia
Công ty cổ phần thương mại và vận tải Hồng Hà	2	CC HQ QL hàng DT-GC Hải Phòng	TAN	100	8,252	Cote D'Ivoire (Ivory Coast)
Công ty cổ phần thương mại và vận tải Hồng Hà	30	CC HQ QL hàng DT-GC Hải Phòng	TAN	10,017	763,880	India
Công ty cổ phần thương mại và vận tải Hồng Hà	11	CC HQ QL hàng DT-GC Hải Phòng	TAN	2,891	225,262	Korea (Republic)
Công ty cổ phần thương mại và vận tải Hồng Hà	3	CC HQ QL hàng DT-GC Hải Phòng	TAN	1,504	128,316	Malaysia
Công ty cổ phần thương mại và vận tải Hồng Hà	2	CC HQ QL hàng DT-GC Hải Phòng	TAN	401	35,720	Mauritius
Công ty cổ phần thương mại và vận tải Hồng Hà	2	CC HQ QL hàng DT-GC Hải Phòng	TAN	301	27,852	Philippines
Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Đình Hà	10	CC HQ Cảng Đình Vũ Hải Phòng	TAN	4,237	325,392	India
Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Đình Hà	6	CC HQ CK Cha Lo Quảng Bình	TAN	1,800	137,046	Laos
Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Đình Hà	2	CC HQ KCX và KCN Hải Phòng	TAN	999	80,090	India
Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Đình Hà	1	CC HQ KCX và KCN Hải Phòng	TAN	100	9,012	Indonesia
Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Đình Hà	5	CC HQ QL hàng DT-GC Hải Phòng	TAN	124	23,378	Bangladesh
Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Đình Hà	190	CC HQ QL hàng DT-GC Hải Phòng	TAN	59,798	4,725,988	India
Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Đình Hà	84	CC HQ QL hàng DT-GC Hải Phòng	TAN	7,973	747,372	Indonesia
Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Đình Hà	7	CC HQ QL hàng DT-GC Hải Phòng	TAN	3,013	246,251	Malaysia
Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Đình Hà	2	CC HQ QL hàng DT-GC Hải Phòng	TAN	125	11,081	Mauritius

Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Đình Hà	21	CC HQ QL hàng ĐT-GC Hải Phòng	TAN	6,913	505,303	Philippines
Công Ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Đạt Thành Phú	4	CC HQ CK cảng HP KV III	TAN	700	37,800	Taiwan
Công Ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Đạt Thành Phú	1	CC HQ Ninh Bình	TAN	22	2,585	India
Công Ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Đạt Thành Phú	40	CC HQ Ninh Bình	TAN	8,800	474,660	Taiwan
Công Ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Atlantic Việt Nam	1	CC HQ CK cảng HP KV III	TAN	75	7,950	Bangladesh
Công Ty TNHH Đầu Tư Và Thương Mại Trường Sa	5	CC HQ KCN tỉnh Hà Nam	TAN	2,615	266,630	Bangladesh
Công Ty TNHH Đầu Tư Và Thương Mại Trường Sa	16	CC HQ KCN tỉnh Hà Nam	TAN	6,557	574,716	India
Công Ty TNHH Đầu Tư Và Thương Mại Trường Sa	2	CC HQ KCN tỉnh Hà Nam	TAN	516	33,888	Taiwan
Công Ty TNHH Chế Biến Khoáng Sản Dlh	1	CC HQ KCN tỉnh Hà Nam	TAN	95	6,522	Bangladesh
Công Ty TNHH Chế Biến Khoáng Sản Dlh	8	CC HQ KCN tỉnh Hà Nam	TAN	1,604	96,191	Taiwan
Công Ty TNHH Hoàng Diệp	1	CC HQ CK cảng HP KV II	TAN	25	2,071	India
Công Ty TNHH Hoàng Diệp	2	CC HQ CK cảng HP KV II	TAN	437	26,496	Taiwan
Công Ty TNHH Hoàng Diệp	9	CC HQ QL hàng ĐT-GC Hải Phòng	TAN	5,103	462,102	India
Công Ty TNHH Hoàng Diệp	1	CC HQ QL hàng ĐT-GC Hải Phòng	TAN	283	30,151	Philippines
Công Ty TNHH Hoàng Diệp	42	CC HQ QL hàng ĐT-GC Hải Phòng	TAN	11,162	682,755	Taiwan
Công Ty TNHH Khoáng Sản Và Đầu Tư Bình Sơn	46	CC HQ CK cảng HP KV I	TAN	19,238	1,634,637	Australia
Công Ty TNHH Khoáng Sản Và Đầu Tư Bình Sơn	1	CC HQ CK cảng HP KV I	TAN	190	14,276	Philippines
Công Ty TNHH Khoáng Sản Và Đầu Tư Bình Sơn	20	CC HQ CK cảng HP KV III	TAN	8,582	707,319	Australia
Công Ty TNHH Khoáng Sản Và Đầu Tư Bình Sơn	1	CC HQ Ninh Bình	TAN	351	29,862	Australia
Công Ty TNHH Một Thành Viên Khoáng Sản Vôi Việt	6	CC HQ Ninh Bình	TAN	2,059	194,726	Bangladesh

Công Ty TNHH Một Thành Viên Khoáng Sản Vôi Việt	9	CC HQ Ninh Bình	TAN	2,044	167,893	India
Công Ty TNHH Một Thành Viên Khoáng Sản Vôi Việt	1	CC HQ Ninh Bình	TAN	144	11,520	Philippines
Công Ty TNHH Một Thành Viên Khoáng Sản Vôi Việt	1	CC HQ Ninh Bình	TAN	156	9,984	Taiwan
Công Ty TNHH Một Thành Viên Nam Phát N.A	13	CC HQCK Quốc tế Bờ Y (Kon Tum)	TAN	860	99,910	Laos
Công Ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Và Sản Xuất Hồng Hưng (Chuyển Đổi Từ :Công Ty TNHH Thương Mại	7	CC HQ CK cảng HP KV I	TAN	1,742	113,230	Taiwan
Công Ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Và Sản Xuất Hồng Hưng (Chuyển Đổi Từ :Công Ty TNHH Thương Mại	7	CC HQ CK cảng HP KV III	TAN	1,352	83,824	Taiwan
Công ty TNHH MTV thương mại và sản xuất Hồng Hưng	12	CC HQ CK cảng HP KV I	TAN	2,288	147,121	Taiwan
Công ty TNHH MTV thương mại và sản xuất Hồng Hưng	5	CC HQ CK cảng HP KV III	TAN	1,066	66,027	Taiwan
Công ty TNHH Sản Phẩm Xây Dựng DINGO	18	CC HQ Nhơn Trạch Đồng Nai	TAN	315	60,702	Australia
Công Ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Dịch Vụ Thanh Mai	1	CC HQ CK Ca?ng Sa'i Go'n KV I	TUI	50	303	Japan
Công Ty TNHH Sản Xuất Vật Liệu Xây Dựng Phương Nam	2	CC HQ Ninh Bình	TAN	868	69,440	Korea (Republic)
Công ty TNHH SAVINA Hà Nam	53	CC HQ KCN tỉnh Hà Nam	TAN	19,782	1,126,629	Taiwan
Công ty TNHH thương mại - dịch vụ và sản xuất T.T.C	9	CC HQCK Quốc tế Bờ Y (Kon Tum)	KG	683,000	94,852	Laos
Công ty TNHH thương mại dịch vụ Anh Linh	2	CC HQ KCX và KCN Hải Phòng	TAN	47	2,971	Indonesia
Công ty TNHH thương mại dịch vụ Anh Linh	150	CC HQ KCX và KCN Hải Phòng	TAN	38,184	2,253,365	Taiwan
Công Ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Xuất Nhập Khẩu Thiên Mỹ Việt	1	CC HQ CK Ca?ng Sa'i Go'n KV I	TUI	34	187	Japan
Công Ty TNHH Thương Mại Thuận Hồng	41	CC HQ CK cảng HP KV III	TAN	12,175	624,560	Taiwan
Công Ty TNHH Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Bảo Gia	12	CC HQ CK cảng HP KV III	TAN	3,675	191,100	Taiwan
Công Ty TNHH Vận Tải Giao Nhận Và Thương Mại Istar	1	CC HQ QL hàng ĐT-GC Hải Phòng	TAN	10	1,312	Philippines
Công Ty TNHH Xuất Khẩu Nam Phương	1	CC HQ Ninh Bình	TAN	100	7,300	Korea (Republic)

Công Ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Khoáng Sản Việt Nam	4	CC HQ KCN tỉnh Hà Nam	TAN	1.294	78,557	Taiwan
Công Ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Quốc Tế Gimexco	1	CC HQ KCN tỉnh Hà Nam	TAN	50	3,907	Bangladesh
Công Ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Quốc Tế Gimexco	2	CC HQ KCN tỉnh Hà Nam	TAN	258	16,790	Chile
Công Ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Quốc Tế Gimexco	24	CC HQ KCN tỉnh Hà Nam	TAN	9.392	832,997	India
Công Ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Quốc Tế Gimexco	4	CC HQ KCN tỉnh Hà Nam	TAN	671	36,497	Taiwan
Công ty trách nhiệm hữu hạn Hoàng Diệp	8	CC HQ QL hàng ĐT-GC Hải Phòng	TAN	3,445	327,089	India
Công ty trách nhiệm hữu hạn Hoàng Diệp	56	CC HQ QL hàng ĐT-GC Hải Phòng	TAN	15,501	957,419	Taiwan
Công ty trách nhiệm hữu hạn Lê Phạm	5	CC HQ Cảng Đình Vũ Hải Phòng	TAN	2.255	162,333	India
Công ty trách nhiệm hữu hạn Lê Phạm	1	CC HQ Cảng Đình Vũ Hải Phòng	TAN	111	8,461	Korea (Republic)
Công ty trách nhiệm hữu hạn Lê Phạm	19	CC HQ Cảng Đình Vũ Hải Phòng	TAN	4,378	254,956	Taiwan
Công ty trách nhiệm hữu hạn Lê Phạm	2	CC HQ CK cảng HP KV II	TAN	874	62,942	India
Công ty trách nhiệm hữu hạn Lê Phạm	7	CC HQ CK cảng HP KV II	TAN	1,472	88,333	Taiwan
Công ty trách nhiệm hữu hạn Lê Phạm	3	CC HQ CK cảng HP KV III	TAN	944	57,376	Bangladesh
Công ty trách nhiệm hữu hạn Lê Phạm	4	CC HQ CK cảng HP KV III	TAN	1,495	89,707	India
Công ty trách nhiệm hữu hạn Lê Phạm	97	CC HQ CK cảng HP KV III	TAN	29,956	1,748,746	Taiwan
Công ty trách nhiệm hữu hạn Lê Phạm	4	CC HQ KCN tỉnh Hà Nam	TAN	759	56,171	Bangladesh
Công ty trách nhiệm hữu hạn Lê Phạm	4	CC HQ KCN tỉnh Hà Nam	TAN	1,383	95,427	India
Công ty trách nhiệm hữu hạn Lê Phạm	11	CC HQ KCN tỉnh Hà Nam	TAN	4,106	239,130	Taiwan
Công ty trách nhiệm hữu hạn Lê Phạm	18	CC HQ KCX và KCN Hải Phòng	TAN	3,794	366,933	Bangladesh
Công ty trách nhiệm hữu hạn Lê Phạm	129	CC HQ KCX và KCN Hải Phòng	TAN	45,058	3,400,720	India
Công ty trách nhiệm hữu hạn Lê Phạm	13	CC HQ KCX và KCN Hải Phòng	TAN	1,410	107,209	Korea (Republic)
Công ty trách nhiệm hữu hạn Lê Phạm	150	CC HQ KCX và KCN Hải Phòng	TAN	27,595	1,611,501	Taiwan
Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại và dịch vụ Hoàng Quý	6	CC HQ KCN tỉnh Hà Nam	TAN	2.120	146,280	Taiwan